

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ Q  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST  
Ngày: 22/9/2022  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khắc Hòa và ông Nguyễn Minh Duyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Phú – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-DS ngày 26/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V; địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường LH, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Hoàng Văn N– Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 106/2022/UQ-LCC-KHDNPUNMB ngày 10/4/2022). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1976 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Tích Tường, xã Hải Lệ, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2022, nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn H và bà Hoàng Thị T có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần V (VPBank) – Chi nhánh Quảng Trị theo Hợp đồng cho vay số: LN1904251364693/QTI/HĐCV ngày 08/5/2019, cụ thể như sau:

Số tiền vay: 245.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng); thời hạn vay: 83 tháng; mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu HUYNHDAI;

các kỳ hạn trả nợ: trả gốc định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 08 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 08/6/2019, số tiền trả mỗi kỳ là 2.950.000 đồng; trả lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 08 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 08/6/2019; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 8,9%/năm, lãi suất cho vay cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân, sau thời gian này lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần vào các ngày 01 tháng 01, ngày 01 tháng 4, ngày 01 tháng 7, ngày 01 tháng 10 hàng năm; ngày điều chỉnh đầu tiên là ngày 08/8/2019, ngày điều chỉnh tiếp theo là ngày 01/10/2019, mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng khoản vay có tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 83 tháng cộng biên độ 1,5%/năm. Lãi suất cho vay đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. lãi suất chậm trả đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Xe ô tô nhãn hiệu HUYNHDAI, mang biển kiểm soát số 74A-097.\*\*, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018300 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Quảng Trị cấp ngày 04/5/2019 mang tên ông Nguyễn H.

Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông Hoài, bà Tuyên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank kể từ ngày 08/7/2021 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Tính đến ngày 18/4/2022 vợ chồng ông Hoài, bà Tuyên còn nợ VPBank số tiền tổng cộng là: 189.985.387 đồng (một trăm tám mươi chín triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng). Trong đó bao gồm: nợ gốc 171.250,000 đồng; nợ lãi 17.843.194 đồng, lãi chậm trả 892.193 đồng.

Tại bản bản trình bày ý kiến ngày 22/9/2022 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Lần cuối ông Hoài, bà Tuyên trả nợ cho ngân hàng là ngày 22/6/2021. Tổng số tiền gốc đã trả là 73.750.000 đồng. Dư nợ gốc còn lại là 171.250.000 đồng, thuộc trường hợp quá hạn thanh toán. Từ khi vay đến nay, phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 44.267.606 đồng, trong đó lãi trong hạn 44.267.606 đồng, lãi quá hạn là 0 đồng.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn chỉ mới tạm tính các bị đơn còn nợ lãi đến ngày 18/4/2022 là 17.843.194 đồng, lãi chậm trả 892.193 đồng, nay nguyên đơn bổ sung yêu cầu các bị đơn phải trả thêm tiền nợ lãi, lãi chậm trả từ ngày 19/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2022.

Tính đến ngày 22/9/2022 vợ chồng ông Hoài, bà Tuyên còn nợ VPBank số tiền tổng cộng là: 209.092.683 đồng (hai trăm không chín triệu không trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng), trong đó bao gồm nợ gốc là 171.250,000 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.155.841 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.087.664 đồng, nợ lãi chậm trả là 2.599.178 đồng.

Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần V yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn H và bà Hoàng Thị T phải thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 22/9/2022 tổng cộng là: 209.092.683 đồng (hai trăm không chín triệu không trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng), trong đó bao gồm nợ gốc là 171.250,000 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.155.841 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.087.664 đồng, nợ lãi chậm trả là 2.599.178 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh (theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ) kể từ sau ngày 22/9/2022 cho đến ngày ông Hoài, bà Tuyền thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank. Trường hợp vợ chồng ông Hoài, bà Tuyền không thanh toán nợ theo yêu cầu của VPBank nêu trên thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm tại VPBank để thu hồi nợ. Cụ thể tài sản bảo đảm là: 01 chiếc xe ô tô, nhãn hiệu HUYNHDAI, mang biển kiểm soát số 74A-097.86, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018300 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Quảng Trị cấp ngày 04/5/2019 mang tên ông Nguyễn H. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán các khoản nghĩa vụ thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn H và bà Hoàng Thị T để thanh toán nợ tại VPBank.

Ông Nguyễn H và bà Hoàng Thị T trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. và không có ý kiến, văn bản gì gửi cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V đề ngày 18/4/2022, Tòa án nhân dân thị xã Q xác định về quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hợp đồng được giao kết và thực hiện thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần V và bị đơn cư trú tại thôn Tích Tường, xã Hải Lệ, thị xã Q. Do đó, theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Q thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn H thường xuyên vắng mặt nơi cư trú, nên Tòa án không tổng đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Nguyễn H, Tòa án đã làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, đối với bị đơn bà Hoàng Thị T thì Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng các bị đơn đều vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất các bị đơn vắng

mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai các bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hợp đồng cho vay số: LN1904251364693/QTI/HĐCV ngày 08/5/2019 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và vợ chồng ông Nguyễn H và bà Hoàng Thị T là hợp pháp, vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nói chung cũng như các điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng tín dụng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về khoản nợ gốc: Theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: LN1904251364693/QTI/HĐCV ngày 08/5/2019 thì bị đơn phải trả số tiền gốc và tiền lãi định kỳ vào ngày 08 hàng tháng. Đến ngày 08/7/2021 ông Nguyễn H và bà Hoàng Thị T đã vi phạm về mặt thời gian trả nợ nên khoản nợ bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 08/7/2021 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Lần cuối ông Hoài, bà Tuyên trả nợ cho ngân hàng là ngày 22/6/2021. Tổng số tiền gốc đã trả là 73.750.000 đồng. Dư nợ gốc còn lại là 171.250.000 đồng, thuộc trường hợp quá hạn thanh toán. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V về việc đòi nợ gốc là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận. (Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự)

Về khoản nợ lãi: Tại Hợp đồng cho vay số: LN1904251364693/QTI/HĐCV ngày 08/5/2019 thì thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 8,9%/năm, lãi suất cho vay cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân, sau thời gian này lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần vào các ngày 01 tháng 01, ngày 01 tháng 4, ngày 01 tháng 7, ngày 01 tháng 10 hàng năm; ngày điều chỉnh đầu tiên là ngày 08/8/2019, ngày điều chỉnh tiếp theo là ngày 01/10/2019, mức điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng khoản vay có tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 83 tháng cộng biên độ 1,5%/năm. Lãi suất cho vay đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi trả định kỳ vào ngày 08 của hàng tháng theo dư nợ gốc ban đầu. Từ khi vay đến nay, phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 44.267.606 đồng, trong đó lãi trong hạn 44.267.606 đồng, lãi quá hạn là 0 đồng; do bị đơn không trả nợ đến hạn, nguyên đơn đã chuyển nợ gốc và nợ lãi sang nợ quá hạn từ ngày 08/7/2021. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2022, tổng số tiền còn nợ lãi của bị đơn là 37.842.683 đồng (ba mươi

bảy triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng), trong đó nợ lãi trong hạn là 1.155.841 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.087.664 đồng, nợ lãi chậm trả là 2.599.178 đồng. Xét hợp đồng tín dụng được xác lập và thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, phù hợp quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền còn nợ lãi tính đến ngày 22/9/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 37.842.683 đồng (ba mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng là có cơ sở.

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tổng số tiền còn nợ là 209.092.683 đồng (hai trăm không chín triệu không trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng), trong đó bao gồm nợ gốc là 171.250.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.155.841 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.087.664 đồng, nợ lãi chậm trả là 2.599.178 đồng.

Về hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng, nguyên đơn và bị đơn đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1904251364693/QTL/HĐTC ngày 08/5/2019, tài sản thế chấp là 01 Xe ô tô nhãn hiệu HUYNHDAI, mang biển kiểm soát số 74A-097.86, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018300 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Quảng Trị cấp ngày 04/5/2019 mang tên ông Nguyễn H thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn H và bà Hoàng Thị T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: LN1904251364693/QTL/HĐTC ngày 08/5/2019 đã được phòng công chứng Trường Sinh chứng nhận ngày 08/5/2019. Do vợ chồng ông Nguyễn H và bà Hoàng Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V khi đến hạn là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 7 của Hợp đồng thế chấp xe ô tô và quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo nội dung tại Điều 3 của Hợp đồng thế chấp xe ô tô thì tài sản bảo đảm sẽ do bị đơn ông Nguyễn H và bà Hoàng Thị T quản lý và sử dụng. Hiện nay ông Hoài và bà Tuyền đang quản lý và sử dụng xe ô tô nhãn hiệu HUYNHDAI, mang biển kiểm soát số 74A-097.86, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018300 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Quảng Trị cấp ngày 04/5/2019 mang tên ông Nguyễn H. Vì vậy, trong trường hợp ông Hoài, bà Tuyền không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đầy đủ cho Ngân hàng, cần buộc ông Hoài, bà Tuyền giao lại tài sản thế chấp để thực hiện việc xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

Ngân hàng thương mại cổ phần V có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn H và bà Hoàng Thị T bản gốc đăng ký xe ô tô nhãn hiệu HUYNHDAI, mang biển kiểm soát

số 74A-097.86, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018300 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Quảng Trị cấp ngày 04/5/2019 mang tên ông Nguyễn H khi ông Hoài và bà Tuyên tự nguyện thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 299, Điều 320, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 2 Điều 8 và điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn H và bà Hoàng Thị T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền còn nợ là 209.092.683 đồng (hai trăm không chín triệu không trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng), trong đó bao gồm nợ gốc là 171.250,000 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.155.841 đồng, nợ lãi quá hạn là 34.087.664 đồng, nợ lãi chậm trả là 2.599.178 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (22/9/2022), ông Nguyễn H và bà Hoàng Thị T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: LN1904251364693/QTI/HĐCV ngày 08/5/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V.

2. Về xử lý tài sản đảm bảo: Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn H và bà Hoàng Thị T không tự nguyện thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần V thì Ngân hàng thương mại cổ phần V được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mãi để thu hồi nợ đối với tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNHDAI, mang biển kiểm soát số 74A-097.86, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018300 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Quảng Trị cấp ngày 04/5/2019 mang tên ông Nguyễn H thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn H và bà Hoàng Thị T theo Hợp đồng thế chấp tài sản

LN1904251364693/QTL/HĐTC đã được phòng công chứng Trường Sinh chứng nhận ngày 08/5/2019.

Ngân hàng thương mại cổ phần V có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn H và bà Hoàng Thị T bản gốc đăng ký xe ô tô nhãn hiệu HUYNHDAI, mang biển kiểm soát số 74A-097.86, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018300 do Phòng cảnh sát giao thông tỉnh Quảng Trị cấp ngày 04/5/2019 mang tên ông Nguyễn H khi ông Hoài và bà Tuyền tự nguyện thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Nguyễn H và bà Hoàng Thị T phải chịu 10.454.634 đồng (mười triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.750.000 đồng (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000072 ngày 10/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã Q;
- Chi cục THADS thị xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**Phan Thị Hạnh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Khắc Hòa**

**Nguyễn Minh Duyệt**

**Phan Thị Hạnh**